TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰ 7 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2026/DS-ST
Ngày: 16 - 7 - 2026
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐXXST-DS, ngày 10/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 516/2026/QĐST-DS ngày 29/6/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim Y, sinh năm 1980; Địa chỉ: số nhà A, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kim Y là ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994; Nơi thường trú: khóm L, phường M, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên hệ: số nhà A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ỷ quyền ngày 06/02/2026), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1993, vắng mặt;

2. Ông Trần Minh N1, sinh năm 1991, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số nhà B, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2026, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 23/6/2026 của bà Nguyễn Kim Y và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn

Nguyễn Kim Y là ông Nguyễn Thanh T trình bày: Bà Nguyễn Kim Y với vợ chồng ông Trần Minh N1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có quen biết nhau nên tháng 11/2024 bà Nguyễn Kim Y có cho vợ chồng ông N1 và bà N vay tiền số tiền 21.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, do vay ngắn hạn nên không tính lãi, việc vay tiền không có làm biên nhận. Sau khi bà Nguyễn Kim Y giao đủ tiền cho ông N1 và bà N thì khi đến hạn ông N1 và bà N không trả tiền theo thoả thuận nên bà Nguyễn Kim Y đã trình báo Công an xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Công an xã T, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 13/4/2025 Công an xã L B mời bà Nguyễn Kim Y và vợ chồng ông N1 và bà N làm việc. Trong biên bản giải quyết vụ việc ngày 13/4/2025 của Công an xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ghi nhận: bà Nguyễn Kim Y trình bày: Yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng N trả cho bà Nguyễn Kim Y số tiền đã mượn là 21.000.000 đồng. Vợ chồng ông N1 và bà N trình bày: đồng ý trả tiền cho bà Y, ông N1 và bà N hứa trả mỗi tháng 500.000 đồng cho bà Y, trả vào ngày 29 hàng tháng. Sau ngày 13/4/2025 thì vợ chồng ông N1 và bà N đã trả cho bà Nguyễn Kim Y số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 19.000.000 đồng đến nay không tiếp tục trả cho bà Y theo thoả thuận. Bà Y đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông N1 và bà N trả số tiền còn nợ nhưng đến nay ông N1 và bà N không trả thêm cho bà Y bất cứ khoản tiền nào.

Do ông N1 và bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nay bà Nguyễn Kim Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N1 và bà N liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền gốc là 19.000.000đồng và lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 08/2025 tính đến ngày 04/2026, tổng cộng là 09 tháng: 19.000.000đồng x 10%/năm x 09 tháng = 1.419.300đồng, tổng cộng vốn và lãi là 20.419.300 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Minh N1 bà Nguyễn Thị Hồng N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng ông N1 và bà N vắng mặt xét xử là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Kim Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N1 và bà N trả tiền vay nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 đang cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N1, bà N và anh T theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Bà Nguyễn Kim Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 trả lại vốn vay còn nợ là 19.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Y có cung cấp cho Tòa án bản sao y bản chính biên bản giải quyết vụ việc ngày 13/4/2025 của Công an xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Công an xã T, tỉnh Đồng Tháp có nội dung:

"- Ý kiến của chị Nguyễn Kim Y: Tôi yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng N trả tiền đã mượn cho tôi là 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng).

- Ý kiến của chị Nguyễn Thị Hồng N và Trần Minh N1: Chúng tôi đồng ý trả tiền cho chị Y, hằng tháng tối thiểu là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Nếu thu nhập nhiều hơn, chúng tôi sẽ trả nhiều hơn, tối đa là 1.500.000đ/tháng. Hằng tháng trả tiền vào ngày 29.

- Ý kiến của chị Y: tôi thống nhất với phương án và số tiền anh N1 và chị N trả cho tôi.

…"

Kết thúc biên bản giải quyết vụ việc có chữ ký và ghi họ tên người tham gia là Nguyễn Kim Y, Nguyễn Thị Hồng N, Trần Minh N1.

Anh T trình bày, sau ngày 13/4/2025 thì vợ chồng ông N1 và bà N đã trả cho bà Nguyễn Kim Y số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 19.000.000 đồng đến nay không tiếp tục trả cho bà Y theo thoả thuận nên xác định giao dịch dân sự vay tài sản giữ bà Nguyễn Kim Y và vợ chồng ông N1 và bà N là có thật.

Tòa án đã có thông báo cho vợ chồng ông N1 và bà N biết về yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do bà Y cung cấp, vợ chồng ông N1 và bà N đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông N1 và bà N không có ý kiến gì phản bác đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ bà Y đã nộp cho Toà án. Điều đó chứng minh việc vợ chồng ông N1 và bà N còn nợ bà Nguyễn Kim Y số tiền 19.000.000 đồng là sự thật.

Tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

…"

- Về yêu cầu tính lãi: Do ông N1 và bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà Nguyễn Kim Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N1 và bà N trả cho bà Y số tiền gốc là 19.000.000đồng và lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 08/2025 tính đến ngày 04/2026, tổng cộng là 09 tháng: 19.000.000đồng x 10%/năm x 09 tháng = 1.419.300đồng.

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

"…

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

…"

Từ những nhận định và phân tích nêu trên cho thấy giữa bà Nguyễn Kim Y với bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản nên làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa bên cho vay, bên vay theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Y là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc vợ chồng ông Trần Minh N1 và bà Nguyễn Thị Hồng N liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim Y số tiền nợ gốc là 19.000.000đồng và lãi suất là 1.419.300đồng. Tổng cộng là 20.419.300 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn ba trăm đồng).

Đối với bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 mặc dù nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và biết được yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Y nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 không đến Tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Kim Y thì mọi hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 phải chịu.

[3] Xét quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Kim Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Y về việc yêu cầu buộc ông Trần Minh N1 và bà Nguyễn Thị Hồng N liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim Y số tiền gốc là 19.000.000đồng và tiền lãi là 1.419.300đồng. Tổng cộng là 20.419.300 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn ba trăm đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim Y số tiền gốc là 19.000.000đồng và tiền lãi là 1.419.300đồng. Tổng cộng là 20.419.300 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thị Hồng N và ông Trần Minh N1 phải nộp 1.020.965 đồng (một triệu không trăm hai mươi nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim Y không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nguyễn Kim Y số tiền 546.000 đồng (năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0007461 ngày 13/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Huỳnh Văn Nhựt Minh